2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
			Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																																
1. Tiếng Việt	408	408	82	41	1	1		1	73	38					77	47					75	28	3	1		1	101	52				3
Điểm 10		18	11	4											2	2					5	5										
Điểm 9		93	21	11	1	1			19	15					23	17					18	9					12	11				
Điểm 8		89	14	9					17	7					15	10					12	5	1	1			31	16				
Điểm 7		94	17	8					24	10					20	12					10	4					23	13				
Điểm 6		53	6	4					11	5					9	2					10	1					17	6				1
Điểm 5		56	12	4				1	2	1					7	3					18	4	2			1	17	6				2
Dưới điểm 5		5	1	1											1	1					2						1					
2.Toán	408	408	82	41	1	1		1	73	38					77	47					75	28	3	1		1	101	52				3
Điểm 10		27	8	5					2	1					3	2					3	2					11	8				
Điểm 9		100	20	6					24	14					20	11					15	9					21	11				
Điểm 8		99	23	13					24	8					19	15					13	6	1	1			20	11				1
Điểm 7		74	15	9	1	1			18	12					13	8					11	3					17	9				
Điểm 6		51	9	4					4	3					15	7					11	3					12	5				
Điểm 5		51	6	3				1	1						4	1					21	5	2			1	19	8				2
Dưới điểm 5		6	1	1											3	3					1						1					
3. TH-CN (Công ngh	253	253													77	47					75	28	3	1		1	101	52				3
Điểm 10		2																									2	2				
Điểm 9		33													10	9					6	6					17	12				
Điểm 8		60													17	9					22	10				1	21	8				1
Điểm 7		65													25	15					8	5	1	1			32	18				
Điểm 6		46													13	9					19	5	1				14	5				
Điểm 5		42													10	4					18	2	1				14	7				2
Dưới điểm 5		5													2	1					2						1					
4. TH-CN (Tin học)	253	253													77	47					75	28	3	1		1	101	52				3
Điểm 10		5													3	2											2	2				
Điểm 9		32													8	6					8	5					16	11				
Điểm 8		71													22	15					22	14	1	1			27	15				
Điểm 7		63													19	12					15	4					29	13				1
Điểm 6		42													13	6					17	3					12	5				1
Điểm 5		36													12	6					10	2	2			1	14	6				1
Dưới điểm 5		4																			3						1					
5. Ngoại ngữ	253	253													77	47					75	28	3	1		1	101	52				3
Điểm 10		10													2	1					7	6					1	1				
Điểm 9		33													9	6					15	8					9	6				
Điểm 8		56													11	7					25	8	1	1			20	8				
Điểm 7		40													14	11					9	2					17	7				
Điểm 6		32													11	5					3	1					18	11				
Điểm 5		42													13	6					11	3	1			1	18	10				3
Dưới điểm 5		40													17	11					5		1				18	9				
6. Khoa học	176	176																			75	28	3	1		1	101	52				3
Điểm 10		9																			3	1					6	4				
Điểm 9		36																			23	12	1	1			13	7				
Điểm 8		42																			9	5					33	20				1
Điểm 7		38																			9	4					29	11				
Điểm 6		21																			12	2	1				9	5				

Điểm 5		29																			19	4	1			1	10	5					2
Dưới điểm 5		1																									1						
7. Lịch sử và Địa lý	176	176																			75	28	3	1		1	101	52					3
Điểm 10		9																			5	5					4	2					
Điểm 9		36																			15	8					21	14					
Điểm 8		29																			11	4					18	11					
Điểm 7		40																			10	6	1	1			30	13					1
Điểm 6		20																			9	1					11	7					
Điểm 5		40																			25	4	2			1	15	4					2
Dưới điểm 5		2																									2	1					